

Số: 30/2023/QĐST-HNGĐ

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28-02-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 17-02-2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 28/2023/QĐPH-ST ngày 21-02-2023, giữa các đương sự:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Anh N.T.Bình, sinh năm 1988

Hộ chiếu số C587910 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 15-8-2018.

Nơi ĐKNKTT: Khu C.T, thị trấn X.M, huyện C.M, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: 936 Section 2, Y.Road, Sanheli, L.District, T.City.

- Chị N.T.Nga, sinh năm 1988

CCCD số 001188017292 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03-5-2018.

Nơi ĐKNKTT và hiện ở: Khu C.T, thị trấn X.M, huyện C.M, thành phố Hà Nội.

Anh Bình, chị Nga đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Anh N.T.Bình và bà N.T.Nga kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10-12-2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X.M, huyện C.M, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt; cách nhìn nhận

cuộc sống không phù hợp với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên hệ gì với nhau. Năm 2021, anh Bình đi lao động tại Đ.L đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Nay anh Bình và chị Nga đều xác định cuộc sống hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân xa cách nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N.T.Tuấn, sinh ngày 21-8-2011 và cháu N.T.Trúc, sinh ngày 25-01-2014. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Tuấn cho anh Bình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T.Trúc cho chị Nga trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh chị không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị N.T.Nga tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên họp:**

Anh N.T.Bình có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam và ủy quyền cho chị N.T.Nga nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị N.T.Nga có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi công tác, không có mặt tại Hà Nội và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

*Về tố tụng:* Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là anh N.T.Bình đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

*Về nội dung:* Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N.T.tuấn, sinh ngày 21-8-2011 và cháu N.T.Trúc, sinh ngày 25-01-2014. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Tuấn cho anh Bình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T.Trúc cho chị Nga trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh chị không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về

việc thỏa thuận người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc chị N.T.Nga tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh N.T.Bình đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là anh N.T.Bình có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho chị N.T.Nga nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Chị N.T.Nga có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi công tác, không có mặt tại Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh N.T.Bình và bà N.T.Nga kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10-12-2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X.M, huyện C.M, thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Anh Bình đã đi xuất khẩu lao động tại Đ.L, vợ chồng cũng không liên lạc với nhau nữa.

Nay, anh Bình và chị Nga đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã kéo dài nhiều năm; mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh N.T.Bình và chị N.T.Nga đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu N.T.tuấn, sinh ngày 21-8-2011 và cháu N.T.Trúc, sinh ngày 25-01-2014. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Tuấn cho anh Bình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T.Trúc cho chị Nga trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh chị không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Việc các đương sự thỏa thuận là phù hợp nên công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Căn cứ quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận sự thỏa thuận: Giao cháu N.T.tuấn cho anh N.T.Bình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu N.T.Trúc cho chị N.T.Nga trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bình, chị Nga không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Bình và chị Nga đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị N.T.Nga tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Quyết định:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N.T.Bình và chị N.T.Nga. Anh N.T.Bình và chị N.T.Nga chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N.T.tuấn, sinh ngày 21-8-2011 và cháu N.T.Trúc, sinh ngày 25-01-2014. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao cháu N.T.Tuấn, sinh ngày 21-8-2011 cho anh N.T.Bình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu N.T.Trúc, sinh ngày 25-01-2014 cho chị N.T.Nga trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bình, chị Nga không ai phải đóng

góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh N.T.Bình, chị N.T.Nga được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Bình và chị Nga đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc chị N.T.Nga tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001424 ngày 15-02-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị N.T.Nga đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28-02-2023./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Hà Nội;
- Cục THADS TP.HN;
- UBND TT X.M, h.C.M, TP.Hà Nội;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hoàng Chí Nguyễn**